

Địa chỉ: Tổ , phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Triệu Thị M, sinh năm 1990(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông Trần Văn H, sinh năm 1965(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm K, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Chị Lương Thị M, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm K, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Q, xã Y huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

6. Chị Vũ Thị Bích Đ, sinh năm 1986(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

7. Chị Chu Thúy K, sinh năm 1981(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

8. Chị Lương Thị T, sinh năm 1981(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Q, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

9. Chị Lê Thanh X, sinh năm 1966(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Q, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

10. Chị Đàm Thị H, sinh năm 1987(Có mặt)

Địa chỉ: Xóm K, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

11. Chị Phạm Thị K, sinh năm 1969(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Q, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

12. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

13. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1959(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Q, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

14. Bà Lý Thị H, sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Q, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Lê T là nhân viên thử việc của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyên phát nhanh T - Chi nhánh Thái Nguyên (với thời gian thử việc 02 tháng kể từ ngày 13/8/2021 đến ngày 13/10/2021). T được phân công làm việc tại Bưu cục Y (có mã 208I02) thuộc xóm T, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và được bố trí làm việc tại bộ phận vận hành với nhiệm vụ là quản lý hàng hóa và tài chính thực hiện thu tiền cước khi khách đến gửi hàng tại bưu cục, thu tiền chuyên phát nhanh của nhân viên chuyên phát và phải nộp số tiền này về Công ty trước 12h ngày hôm sau. Trong quá trình làm việc do không có tiền tiêu sài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền cước của Công ty do mình có trách nhiệm quản lý nên từ ngày 01/9/2021 đến ngày 30/9/2021, T đã tiếp nhận 55 đơn hàng của 14 khách hàng và đã thu tiền cước vận chuyển với tổng số tiền là 6.155.000đồng. Theo quy định của Công ty khi nhận được đơn và số tiền cước T phải nhập thông tin vào hệ thống phần

mềm của Công ty với phương thức thanh toán là “PP-Cash” (nghĩa là người gửi trả tiền mặt cước phí vận chuyển) nhưng với mục đích chiếm đoạt số tiền này T cố ý nhập sai 51 đơn hàng với phương thức thanh toán là “PP-PM” (nghĩa là đơn hàng không thu được tiền cước phí khách hàng phải thanh toán vào cuối tháng đó cho Công ty) và 04 đơn hàng T nhập với phương thức thanh toán là “PP-Cash” nhưng với mục đích chiếm đoạt số tiền cước T đã gửi tin nhắn thông qua tài khoản “Lethuydt1984@gmail.com” đến bộ phận “QC” của Công ty nhờ họ chuyển từ “PP-Cash” sang “PP-PM” (T đã nói dối là lên đơn nhầm, lựa chọn nhầm hình thức thanh toán) với cách thức như trên T đã chiếm đoạt số tiền 6.155.000 đồng của Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T. Có được số tiền trên, T đã tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 01/10/2021, do T không đáp ứng được yêu cầu công việc nên Công ty đã cho T nghỉ việc.

Về phía Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T sau khi phát hiện sự việc T có hành vi chiếm đoạt tiền cước của Công ty nên ngày 08/11/2021 Công ty đã có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đại Từ.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 21/12/2021, Nguyễn Lê Thùy đã nộp lại toàn bộ số tiền 6.155.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Công ty TNHH MTV Thuận Phong tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 6.155.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam hiện đang gửi tại tài khoản tiền gửi tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKSĐT ngày 21/4/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Lê T về tội “*Tham ô tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ giữ nguyên cáo trạng, đã luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Lê T phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 353 BLHS, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 và Điều 54 BLHS năm 2015; Điều 106, 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê T từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng tù, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Vật chứng: Hoàn trả Công ty TNHH MTV T số tiền 6.155.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam hiện đang gửi tại tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Lê T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh tụng, bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai, bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội, bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2}. Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Lê T đã khai nhận và nhận thức rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo là nhân viên thử việc của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển phát nhanh T làm việc tại Bưu cục Y thuộc xóm T xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo được phân công quản lý hàng hóa và tài chính thực hiện thu tiền cước khi khách đến gửi hàng, thu tiền chuyển phát nhanh của khách hàng đến chuyển phát và phải nộp số tiền này về Công ty trước 12 giờ ngày hôm sau. Nhưng trong khoảng thời gian từ 01/9/2021 đến ngày 30/9/2021, bị cáo đã lợi dụng quyền hạn, trách nhiệm trong việc quản lý tiền cước vận chuyển của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển phát nhanh T, bị cáo đã thu tiền cước của 55 đơn hàng của 14 khách hàng với tổng số tiền 6.155.000 đồng. Sau khi thu tiền theo quy định của Công ty, bị cáo phải nhập thông tin vào hệ thống phần mềm của Công ty với phương thức thanh toán là “PP-Cash” (nghĩa là người gửi trả tiền mặt cước phí vận chuyển) nhưng với mục đích chiếm đoạt số tiền này bị cáo cố ý nhập sai và chiếm đoạt số tiền 6.155.000 đồng của Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T để chi tiêu cá nhân. Sau khi sự việc bị phát hiện phía Công ty đã tố cáo hành vi của bị cáo, bị cáo đã nhận thức rõ sai phạm, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 6.155.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển phát nhanh T.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại chị Lao Thị Hồng H trình bày: Tôi là người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển phát nhanh T, Nguyễn Lê T là nhân viên thử việc của Công ty, được Công ty ký hợp đồng lao động thời gian thử việc 02 tháng. Trong thời gian thử việc T đã lợi dụng việc phân công quản lý hàng hóa, tài chính, thu tiền cước khi khách đến gửi hàng, thu tiền chuyển phát nhanh của khách hàng với 55 đơn hàng trên tổng số tiền 6.155.000 đồng trong thời gian từ ngày 01/9/2021 đến ngày 30/9/2021, nhưng T không nộp số tiền trên về Công ty theo quy định trước 12 giờ ngày hôm sau mà T đã chiếm đoạt số tiền trên của Công ty để chi tiêu cá nhân hết. Sau khi T thực hiện hành vi, phía Công ty đã đề nghị cơ quan Công an điều tra xử lý hành vi phạm tội của T. Trong quá trình điều tra bị cáo T đã nhận thức rõ được hành vi phạm tội, đã tự nguyện nộp lại số toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của Công ty là 6.155.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả cho Công ty. Về hành vi của bị cáo T không gây ảnh hưởng đến việc vận chuyển hàng hóa cũng như chuyển phát của khách hàng. Tôi là đại diện

theo ủy quyền Công ty đã có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Lê T.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ như vụ án như: Lời khai của những người làm chứng, vật chứng vụ án...

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Từ ngày 01/9/2021 đến ngày 30/9/2021, Nguyễn Lê T là nhân viên thử việc của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyên phát nhanh T, T đã lợi dụng quyền hạn trách nhiệm trong việc quản lý tiền cước vận chuyển của Công ty nên T đã thu tiền cước của 55 đơn hàng của 14 khách hàng với tổng số tiền 6.155.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết không giao nộp cho Công ty theo quy định. Hành vi trên của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “*Tham ô tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự, nội dung điều luật quy định như sau:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng... thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

{3}. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyên phát nhanh T, bị cáo lợi dụng việc quản lý tiền của Công ty nhằm chiếm đoạt với mục đích tiêu sài cá nhân nên cần phải xử lý.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

{5}. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ý thức được trách nhiệm và hậu quả nên bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả cho Công ty đó là tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền bị cáo đã tham ô của Công ty nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*” quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra trong quá trình nghị án Hội đồng xét xử xem xét tình tiết đại diện bị hại có đơn đề nghị xen giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

{6}. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của địa phương nơi cư trú, bị cáo tham gia đầy đủ các hoạt động từ thiện tại địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận nên đây là tình tiết nhân thân cần xem xét khi lượng hình.

{7}. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với mục đích chiếm đoạt tài sản để tiêu sài cá nhân, không nhằm mục đích khác, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về phía đại diện theo ủy quyền của Công ty xác định mặc dù bị cáo chiếm đoạt tài sản là số tiền

bị cáo quản lý để giao nộp nhưng Bru cục nơi bị cáo được phân công làm việc vẫn hoạt động tốt, hàng hóa, chuyển phát của khách hàng vẫn thực hiện đảm bảo đúng theo quy định không ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của Công ty cũng như dư luận. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, xử phạt bị cáo mức án từ 03 (Ba) tháng đến 06 (sáu) tháng tù và buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, tính khoan hồng của pháp luật đối với những hành vi lầm lỗi biết ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là phù hợp.

{8}. Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Bị cáo là đang nuôi con nhỏ, không có việc làm ổn định, không thu nhập ổn định cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

{9}. Vật chứng: Số tiền 6.155.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam hiện đang gửi tại tài khoản tiền gửi tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cần hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển phát nhanh T là phù hợp.

{10}. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định háp luật nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

{11}. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 353, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 và Điều 54 của BLHS năm 2015; Điều 106 và Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Lê T phạm tội: “*Tham ô tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê T: 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Thùy.

Vật chứng: Hoàn trả Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển phát nhanh T số tiền 6.155.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam do bị cáo T nộp để khắc phục hậu quả (số tiền hiện đang gửi tại tài khoản tiền gửi tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên).

(Tình trạng của vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 29/QĐ - VKSĐT ngày 22/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên).

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Lê T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đại Từ (3b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Thi hành án hình sự (2b);
- Bị cáo; Bị hại;
- Thông báo KQXX cho UBND TT H;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Hải